TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2024/DS-PT.
Ngày 14/3/2024.
V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

- Các Thẩm phán: Ông Ma Hồng Thắng, ông Ma Ngọc Trung.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Hồng Phong - Thẩm tra viên, TAND tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/02/2024 và ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/DS-ST, ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2023/QĐ-PT, ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hoàng Trung Th**, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ dân phố C. M, thị trấn T. Y, huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang *(có mặt)*.

2. Bị đơn: Bà Mai **Thị H**, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố C. M, thị trấn T. Y, huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang *(có mặt)*.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông **Tạ Miên L**, sinh năm 1945; địa chỉ: Số 244/4 đường C, phường T. N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu *(ông L vắng mặt, bà H nhất trí việc vắng mặt ông L)*.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1960; Tổ dân phố Tân Trung, thị trấn T. Y, huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt).*

- Ông Hoàng Đức S (S), sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố C. M, thị trấn T. Y, huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang *(có mặt)*.

- Bà Hoàng Thị Ph, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ dân phố C. M, thị trấn T. Y, huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt)*.

- Bà Hoàng Thị Nh, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 4 khu 3, xã Th. Đ, thành phố V. T, tỉnh Phú Thọ *(vắng mặt)*.

- Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ dân phố 17, phường Ng. Tr, thành phố H. G, tỉnh Hà Giang *(vắng mặt)*.

- Bà Hoàng Thị Kh, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường Ng. Tr, thành phố H. G, tỉnh Hà Giang *(vắng mặt)*.

- Bà Hoàng Thị Thu B, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố C. M, thị trấn T. Y, huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt)*.

- Bà Hoàng Hương Gi, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố C. M, thị trấn T. Y, huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt)*.

+ Người đại diện theo uỷ quyền của các bà T, bà Ph, bà Nh, bà M, bà Kh, bà B, bà Gi là ông Hoàng Trung Th, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ dân phố C. M, thị trấn T. Y, huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Ngô Thành Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố C. M, thị trấn T. Y, huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt không có lý do)*.

- Bà Ngô Mai Ch, sinh năm 1985; địa chỉ: Số nhà 38A, ngõ 320, đường 17/8, tổ dân phố 4, phường P, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt không có lý do)*.

Người kháng cáo: Bà Mai Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện,bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn ông Hoàng Trung Th trình bày: Bố đẻ ông là ông Hoàng Gia Tr, đã chết năm 2015, mẹ đẻ ông là bà Nguyễn Thị X, đã chết năm 2004. Thửa đất số 116 và thửa đất số 117a tờ bản đồ số 07, địa chỉ tổ dân phố C. M, thị trấn T. Y, huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang là đất của bố mẹ ông khai phá từ năm 1978. Gia đình ông đã cư trú tại 02 thửa đất này từ đó đến nay. Bố mẹ ông có 09 người con, Hoàng Đức S (S), sinh năm 1973, Hoàng Thị T, sinh năm 1959, Hoàng Thị Ph, sinh năm 1961, Hoàng Thị Nh, sinh năm 1965, Hoàng Thị Thu B, sinh năm 1975, Hoàng Hương Gi, sinh năm 1978, Hoàng Thị M, sinh năm 1968, Hoàng Thị Kh, sinh năm 1971 và ông; các anh chị em ông hiện nay đều còn sống. Năm 1990 bố ông có chuyển nhượng một diện tích đất chiều ngang 5m, chiều dài 43m là một phần diện tích đất của bố mẹ ông cho ông Ngô Văn D, vợ là Mai Thị H, việc chuyển nhượng có làm giấy tờ, cụ thể về thoả thuận chuyển nhượng ông không nắm được. Diện tích đất còn lại bố ông chia cho anh chị em ông sử dụng từ năm 2009 - 2010, việc chia đất không có giấy tờ gì, nhưng những người trong gia đình đều biết và tự nguyện ghi nhận, đất được chia cho ông và ông S (S) em trai ông sử dụng, các chị em gái lập gia đình đều sống tự lập và không ở trên đất của bố mẹ. Khi ông Tr bà X chết đều không để lại di chúc, nhưng anh chị em trong gia đình đều tôn trọng ý kiến của bố lúc bố còn sống nên không ai tranh chấp với ai. Toàn bộ diện tích đất của bố mẹ ông khai phá và gia đình sử dụng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao giờ, ông và ông S (S) chia nhau đất để sử dụng cũng chưa thực hiện việc tách thửa và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng. Phần đất ông được chia để sử dụng giáp ranh với diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông D bà H. Năm 2020 ông làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì giữa gia đình ông và bà H phát sinh

tranh chấp, bà H cho rằng phần đất liền thửa với đất của ông đang sử dụng giáp với phía sau đất của bà H ông D là đất bà H đã nhận chuyển nhượng của ông Tr từ năm 1990, diện tích khoảng 53m^2. Nhưng diện tích đất bố ông chuyển nhượng cho ông D, ông D đã xây dựng nhà ở, là nhà bà H đang sử dụng. Khi ông D còn sống xây dựng nhà ở đã xây hết phần diện tích đất nhận chuyển nhượng của bố ông, có ranh giới cứng là tường rào ngăn cách. Ngoài diện tích đất đó thì phần còn lại vẫn của gia đình ông nên việc bà H cho rằng phần đất phía sau giáp nhà bà H mà gia đình ông đang sử dụng nằm trong diện tích đất ông D nhận chuyển nhượng của bố ông là không đúng. Ông đề nghị Toà án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất của ông đối với diện tích đất khoảng 53m^2 mà ông và bà H đang có tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Toà án thể hiện diện tích đất có tranh chấp là 156,3m^2, bao gồm thửa được ký hiệu S1 và thửa được ký hiệu S2 thể hiện tại mảnh trích đo hiện trạng (diện tích đất tranh chấp được ông Th, bà H, ông S xác định tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ). Ông Th xác định diện tích đất có tranh chấp là của gia đình ông, ông vẫn sử dụng từ khi anh chị em phân chia đất, từ khi gia đình bà H xây nhà và chuyển đến ở toàn bộ diện tích đất đó gia đình ông vẫn sử dụng. Ban đầu ông Th xác định ông và bà H chỉ tranh chấp diện tích S1, nhưng quá trình giải quyết bà H xác định cả diện tích S2 cũng là của vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông Tr. Nên xác định diện tích đất tranh chấp gồm cả S1 và S2 có tổng diện tích 156,3m^2.

Đối với diện tích đất ông Th cho rằng bà H xây dựng nhà lấn chiếm khoảng 3,6m^2 như đơn khởi kiện đã nêu, quá trình giải quyết vụ án ông Th xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất đó.

Tại phiên toà ông Hoàng Trung Th giữ nguyên ý kiến, đề nghị Toà án công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất 156,3m^2 cho ông. Đây là đất của gia đình ông không nằm trong diện tích đất mà bố ông chuyển nhượng cho ông D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Vũ Trung K trình bày tại phiên toà, xác nhận những ý kiến trình bày của ông Th về quan hệ gia đình cũng như các nội dung khác là đúng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ Toà án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án cũng như hiện trạng sử dụng đất của gia đình bà H từ khi ông D còn sống xây dựng công trình nhà ở và công trình phụ trợ, sử dụng ổn định từ đó đến nay hoàn toàn đủ cơ sở xác định diện tích đất đang có tranh chấp không nằm trong diện tích đất ông Hoàng Gia Tr chuyển nhượng cho ông Ngô Văn D năm 1990. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, công nhận quyền sử dụng đất cho ông Th đối với diện tích đất đang có tranh chấp, ông Tr bà X chết không có tranh chấp, các anh chị em ruột của ông Th đều xác nhận việc để ông Th có quyền sử dụng diện tích đất đó.

Ý kiến của bị đơn, bà Mai Thị H trong quá trình giải quyết: Bà và ông Ngô Văn D là vợ chồng, ông D chết năm 2005. Năm 1990 ông D có mua lại một diện tích đất của ông Hoàng Gia Tr, khi mua có làm giấy tờ, bà và ông D đã được UBND huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang cấp Hồ sơ nhà đất ngày 28/3/2003 (bà H cung cấp cho Toà án bản phô tô Hồ sơ nhà đất). Bà xác định ngoài diện tích đất vợ chồng bà đã xây dựng công trình nhà ở năm 1995, toàn bộ diện tích đất chưa xây dựng công trình là

diện tích đất bà và ông Th đang có tranh chấp đều là diện tích đất chồng bà, ông D đã nhận chuyển của ông Tr năm 1990.

Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ khi tiến hành đo đạc hiện trạng và xác định vị trí đất tranh chấp, bà H xác định toàn bộ diện tích đất S1 và S2, tổng diện tích 156,3m^2 là diện tích đất nằm trong thửa đất ông D nhận chuyển nhượng của ông Tr, không phải là đất của gia đình ông Tr. Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ bà H trực tiếp xác định vị trí đất tranh chấp, trực tiếp chỉ mốc giới cho cán bộ đo đạc.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, ông Tạ Miên L trình bày: Ông nhất trí với toàn bộ ý kiến bà H đã trình bày và xác nhận những nội dung bà H đã trình bày là đúng.

Quá trình giải quyết vụ án ông Tạ Miên L chỉ có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 19/12/2022.

Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Hoàng Đức S, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị Nh, bà Hoàng Thị Ph, bà Hoàng Hương Gi, bà Hoàng Thị Thu B, bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị Kh: Đều xác nhận về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình như ông Hoàng Trung Th đã trình bày, nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Th và đề nghị Toà án xem xét công nhận quyền sử dụng đất cho ông Th đối với diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông Th và bà H.

Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Ngô Thành Đ, chị Ngô Mai Ch: Ông Đ và bà Ch đều xác nhận là con đẻ của ông Ngô Văn D và bà Mai Thị H, ông D chết năm 2005, không để lại di chúc. Diện tích đất hiện nay bà H đang sử dụng là đất ông D nhận chuyển nhượng của bố mẹ đẻ ông Th. Ông Đ bà Ch đều xác định đó là tài sản của ông D bà H, khi ông D chết thì đó là tài sản của bà H, ông Đ bà Ch không có quyền gì trong khối tài sản đó và xác định đấy không phải tài sản của mình nên không có ý kiến gì về nội dung tranh chấp, mọi việc phụ thuộc vào ý kiến của bà H, ông Đ bà Ch không tham gia vì đó không phải tài sản của họ.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện H. Y đã tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ, xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với tài sản có tranh chấp trong vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Toàn bộ tài liệu, chứng cứ thu thập được lưu cụ thể trong hồ sơ vụ án bao gồm tài liệu các đương sự giao nộp, tài liệu do Toà án thu thập và các tài liệu khác có liên quan.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/DS-ST, ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang quyết định: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 137, 147, 156,165, 166, 227, 261, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 68, 186, 188 Luật đất đai năm 2013; các Điều 503, 612, 624, 625, 626, 627, 631, 635, 636, 643 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Trung Th, công nhận quyền quản lý, sử dụng cho ông Hoàng Trung Th đối với diện tích đất 156,3m^2; vị trí, ranh giới được xác định tại các điểm 1, 8, 9, 10, 11, 12, 1, thể hiện theo Mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất để giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất.

(Có Mảnh trích đo hiện trạng sửu dụng đất kèm theo Bản án không tách rời)

2. Chi phí tố tụng: Ghi nhận ông Hoàng Trung Th đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, số tiền 10.793.883đ (*Mười triệu bẩy trăm chín mươi ba nghìn tám trăm tám mươi ba đồng)*.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Mai Thị H.

Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 17/10/2023, Toà án nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị H, đơn ghi ngày 15/10/2023 kháng cáo không nhất trí với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H. Y. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét Bản án số 150/2023/DS-ST, ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang vì nguyên đơn khởi kiện bà là đã hết thời hiệu khởi kiện mà Tòa án vẫn đưa ra xét xử, ban hành quyết định bản án trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/2/2024 bị đơn người kháng cáo bà Mai Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Tại phiên tòa ông Tạ Miên L là người được bà ủy quyền làm người đại diện nhưng ông L hiện tại đang ở trong tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên không có mặt tại phiên tòa được, bà đề nghị tiếp tục xét xử vụ án, bà tự mình bảo vệ quyền lợi cho bà. Việc gia đình bà H mua đất của ông Hoàng Gia Tr (bố đẻ ông Th) năm 1990, gia đình bà sử dụng liên tục đến nay đã là 33 năm. Nay ông Th khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện mà Tòa án huyện H. Y vẫn đưa ra xét xử và công nhận quyền sử dụng đất cho ông Th là vi phạm pháp luật. Bà đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Th.

- Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Hoàng Trung Th trình bày: Sau khi Tòa án nhân dân huyện H. Y xét xử sơ thẩm tại bản án số 150/2023/DS-ST ngày 27/9/2023, ông không nhất trí với bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo một phần bản án nêu trên nhưng đơn kháng cáo của ông bị coi là quá hạn nên không được xem xét chấp nhận. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những lý do ông không nhất trí một phần bản án sơ thẩm như sau: Tại đơn khởi kiện ngày 8/8/2022 và ngày 09/11/2022 ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết 03 yêu cầu:

- Yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông với diện tích đất tranh chấp là 53,0 m^2.

- Yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị H trả lại diện tích đất lấn chiếm của gia đình ông là 3,6 m^2.

- Yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị H trả lại quyền sử dụng không gian theo chiều thẳng đứng theo ranh giới thửa đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông đã rút một phần yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị H trả lại diện tích đất lấn chiếm là 3,6 m^2. Nhưng trong bản án chỉ giải quyết 01 yêu cầu công nhận quyền sử dụng 53,0 m^2. Còn 01 yêu cầu buộc bà Mai Thị H trả lại quyền sử dụng không gian theo chiều thẳng đứng theo ranh giới thửa đất thì Tòa án không giải quyết cho ông. Vì vậy ông đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết tiếp yêu cầu này (vì mái bê tông nhà bà H xây vượt ra ngoài phạm vi chiều rộng thửa đất 5m, dẫn đến phần không gian là mái bê tông phía trên đã lấn sang đất của gia đình ông khoảng 15 đến 20cm kéo dài dọc theo thửa đất) để gia đình ông được quyền sử dụng phần không gian đúng với ranh giới diện tích đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/3/2024, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày tại phiên tòa ngày 23/2/2024.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị H hợp lệ, trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào quy định của pháp luật thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết tranh chấp đất đai là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Mai Thị H đề nghị Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ.

Đối với trình bày của nguyên đơn ông Hoàng Trung Th tại phiên tòa phúc thẩm: Xét tại đơn khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết 03 yêu cầu: Yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông với diện tích đất tranh chấp là 53,0 m^2; Yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị H trả lại diện tích đất lấn chiếm của giai đình ông là 3,6 m^2; Yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị H trả lại quyền sử dụng không gian theo chiều thẳng đứng theo ranh giới thửa đất. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm mới xem xét giải quyết 01 yêu cầu về công nhận diện tích 53,0 m^2. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Th đề nghị bà H phải trả lại 3,6 m^2 đất, tuy yêu cầu này quá trình giải quyết vụ án ông Th đã rút nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không xem xét giải quyết là thiếu sót, và yêu cầu của ông Th đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Mai Thị H trả lại quyền sử dụng không gian theo chiều thẳng đứng theo ranh giới thửa đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của đương sự. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của đương sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/DS-ST, ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang, chuyển hồ sơ lại cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục kháng cáo:

Ngày 17/10/2023, Toà án nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị H, đơn ghi ngày 15/10/2023 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 150/2023/DS-ST, ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, đơn kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 18/10/2023 Toà án nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Trung Th, nhưng đơn kháng cáo của ông Th là quá thời hạn do pháp luật quy định (việc giải quyết kháng cáo quá hạn của ông Th được thể hiện tại: Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 55/2023/QĐ - PT ngày 16/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang).

[2] Xét nội dung vụ án và nội dung đơn kháng cáo của bị đơn:

Đối với kháng cáo của bị đơn: Bà Mai Thị H không nhất trí với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H. Y đã xét xử, bà cho rằng gia đình bà H mua đất của ông Hoàng Văn Tr (bố đẻ ông Th) năm 1990, gia đình bà sử dụng liên tục đến nay đã là 33 năm. Nay ông Th khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện mà Tòa án huyện H. Y vẫn đưa ra xét xử và công nhận quyền sử dụng đất cho ông Th là vi phạm pháp luật. Bà đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Th.

Xét kháng cáo nêu trên của bị đơn bà Mai Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của pháp luật Dân sự, thực hiện các thủ tục tố tụng để thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Bà H cho rằng gia đình bà H mua đất của bố đẻ ông Th (ông Hoàng Gia Tr) từ năm 1990, gia đình bà sử dụng liên tục đến nay đã là 33 năm, nay ông Th khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ.

Xét lời trình bày của nguyên đơn Hoàng Trung Th tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 8/8/2022, Tòa án nhận ngày 15/8/2022 (bút lục số 01) và đơn khởi kiện ghi ngày 09/11/2022, Tòa án nhận ngày 09/11/2022 (bút lục số 29). Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết 03 yêu cầu gồm: Yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông với diện tích đất tranh chấp là 53,0 m^2; Yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị H trả lại diện tích đất lấn chiếm của gia đình ông là 3,6 m^2; Yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị H trả lại quyền sử dụng không gian theo chiều thẳng đứng theo ranh giới thửa đất.

Tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số 102/TB-TLVA ngày 09/11/2022 (bút lục số 38) Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý 03 yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết vụ án Tranh chấp về quyền sử dụng đất là đúng quy định tại Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh, thu thập chứng cứ, đo đạc thẩm định diện tích đất tranh chấp nhưng chỉ giải quyết yêu cầu của

nguyên đơn đề nghị công nhận quyền sử dụng cho ông Hoàng Văn Thiết được quyền sử dụng 156,3 m^2 đất mà chưa xem xét giải quyết triệt để đối với 02 yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn, đó là:

+ Đối với yêu cầu khởi kiện: buộc bà Mai Thị H trả lại diện tích đất lấn chiếm của ông Th là 3,6 m^2. Tại Bản án sơ thẩm số 150/2023/DS-ST, ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H. Y nhận định: *"...trong quá trình giải quyết vụ án, trước khi Tòa án ra quyết định xét xử ông Th đã rút và không yêu cầu Tòa án giải quyết về nội dung này, mảnh trích đo hiện trạng để giải quyết tranh chấp cũng không thể hiện diện tích đất này vì ông Th không tiếp tục yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nội dung yêu cầu khởi kiện này của ông Th khi xét xử"* nhận định và không giải quyết nội dung yêu cầu này của cấp sơ thẩm là không chính xác và thiếu sót, bởi lẽ: Tại Thông báo thụ lý vụ án, Tòa án đã thụ lý yêu cầu khởi kiện của đương sự thì phải xem xét giải quyết, trong quá trình giải quyết vụ án nếu đương sự rút một phần yêu cầu khởi kiện và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận và căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu đương sự đã rút. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và không xem xét giải quyết yêu cầu này của ông Th khi xét xử là giải quyết không triệt để đối với các yêu cầu khởi kiện của đương sự trong vụ án.

+ Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Th đề nghị Tòa án buộc bà Mai Thị H trả lại quyền sử dụng không gian theo chiều thẳng đứng theo ranh giới thửa đất: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu này của nguyên đơn, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án không xem xét giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này là chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy lời trình bày của ông Th tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm ông Th kháng cáo nhưng kháng cáo của ông Th là quá thời hạn pháp luật quy định, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông Th vẫn có quyền trình bày về quyền lợi của mình khi chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết hết yêu cầu khởi kiện.

Do cấp sơ thẩm chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/DS-ST, ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét, quyết định lại khi xét xử sơ thẩm lại vụ án.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm Hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/DS-ST, ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H. Y, tỉnh Tuyên Quang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét, quyết định lại khi xét xử sơ thẩm lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm Hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 14/3/2024.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện H. Y;
- Chi cục THADS huyện H. Y;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Thanh Sơn